

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PHÙ CỪ  
TỈNH HUNG YÊN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 18/2020/HNGĐ-ST

Ngày 30-9-2020

“V/v: Ly hôn”

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PHÙ CỪ - TỈNH HUNG YÊN**

***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Nguyễn Duy Phương;

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông Bùi Đăng Ban;
2. Ông Nguyễn Văn Hạnh.

***Thư ký phiên tòa:*** Bà Nguyễn Thị Thu Huyền - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Phù Cừ.

***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phù Cừ tham gia phiên tòa:*** Bà Lê Thị Huyền- Kiểm sát viên.

Ngày 30/9/2020 tại trụ sở, Tòa án nhân dân huyện Phù Cừ xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 99/2020/TLST-HNGĐ ngày 20/8/2020 về tranh chấp “Ly hôn”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 14/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 03/9/2020 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Anh Nguyễn Văn T, sinh năm 1977; vắng mặt.

Địa chỉ: Thôn B, xã C, huyện Thanh Miện, tỉnh Hải Dương;

2. Bị đơn: Chị Nguyễn Thị L, sinh năm 1984; vắng mặt.

Đăng ký hộ khẩu thường trú: Thôn P, xã V, huyện Phù Cừ, tỉnh Hưng Yên;

Nơi ở hiện nay: Thôn C, xã T, huyện Phù Cừ, tỉnh Hưng Yên.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Theo nội dung đơn khởi kiện, các lời khai anh Nguyễn Văn T trình bày:*

Về quan hệ hôn nhân: Anh Nguyễn Văn T và chị Nguyễn Thị L, sinh năm 1984, quê ở thôn P, xã V, huyện Phù Cừ, tỉnh Hưng Yên tự nguyện kết hôn và có đăng ký tại Ủy ban nhân dân xã C, huyện Thanh Miện, tỉnh Hải Dương vào ngày 14/4/2017. Sau đám cưới, anh T đón chị L về nhà anh T ở ngay, vợ chồng

sống ở quê được một tháng thì vợ chồng đi làm ăn ở Bến Tre. Vợ chồng chung sống với nhau được hai tháng thì vợ chồng xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân là do vợ chồng bất đồng quan điểm, chị L yêu cầu mở tiệm làm tóc nhưng anh T không đủ điều kiện kinh tế nên không đồng ý nên sau đó chị L bỏ về quê còn anh T vẫn làm ăn tại Bến Tre. Kể từ tháng 7/2017 cho đến nay, anh T và chị L sống ly thân, không có cuộc sống chung, hai bên không gặp gỡ hay liên hệ gì với nhau. Đến nay, anh T xác định tình cảm vợ chồng không còn nên anh T đề nghị Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn chị L.

*Tại Biên bản lấy lời khai ngày 26/8/2020, chị Nguyễn Thị L trình bày:*

Chị L không có gì trình bày với Tòa án về việc anh T khởi kiện ly hôn chị L. Chị L không đồng ý ly hôn với anh T còn việc anh T đề nghị Tòa án giải quyết ly hôn thì Tòa án cứ giải quyết theo đơn của anh T.

- Về con chung: Anh T và chị L đều khẳng định anh, chị không có con chung; các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về phần tài sản: Anh T và chị L đều khẳng định anh, chị không có tài sản chung, không nợ ai tài sản gì, không vướng mắc gì về tài sản với người khác, ruộng cấy không có, không có công sức đóng góp cho hai bên gia đình và các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa: Bị đơn vắng mặt không lý do; nguyên đơn có đơn đề nghị Tòa án giải quyết, xét xử vắng mặt.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phù Cù phát biểu:

Về việc tuân theo pháp luật: Thẩm phán, Thư ký và Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự từ khi thụ lý, thu thập chứng cứ, hòa giải và quá trình hỏi công khai tại phiên tòa. Nguyên đơn thực hiện đúng quyền, nghĩa vụ theo quy định tại các điều 70 và 71 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn không thực hiện đúng quyền, nghĩa vụ theo quy định tại các điều 70 và 72 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng các quy định của pháp luật. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, xử cho anh Nguyễn Văn T được ly hôn chị Nguyễn Thị L. Về con chung và về phần tài sản: Không có nên không đề nghị Tòa án xem xét, giải quyết. Về án phí: Nguyên đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh tụng. Tòa án nhân dân huyện Phù Cù nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt, không đến tham gia phiên tòa. Nguyên đơn có đơn đề

ngiht xét xử vắng mặt, căn cứ Điều 227 và 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử giải quyết vụ án vắng mặt các đương sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Anh Nguyễn Văn T và chị Nguyễn Thị L đăng ký kết hôn vào ngày 14/4/2017 tại Ủy ban nhân dân xã C, huyện Thanh Miện, tỉnh Hải Dương, không vi phạm các quy định về điều kiện kết hôn; do đó quan hệ hôn nhân giữa các bên là hợp pháp. Nay anh T có yêu cầu ly hôn sẽ được áp dụng Luật Hôn nhân và gia đình để giải quyết theo thủ tục chung.

Sau khi kết hôn, vợ chồng anh T và chị L sống hạnh phúc được khoảng ba tháng thì nảy sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn là do hai bên bất đồng quan điểm trong việc làm ăn; từ tháng 7/2017 cho đến nay anh T, chị L sống ly thân. Anh T đề nghị Tòa án giải quyết ly hôn, chị L không đồng ý. Tuy nhiên, Tòa án nhiều lần tổng đạt, triệu tập chị L đến Tòa án làm việc, hòa giải cho các đương sự nhưng chị L không đến Tòa án làm việc, cho thấy chị L bỏ mặc, không quan tâm và không có thiện chí hòa giải với anh T để giải quyết các xung đột; điều đó cho thấy mâu thuẫn giữa anh T và chị L đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được. Việc chị L không đồng ý ly hôn và không đến Tòa án chỉ nhằm gây khó khăn cho anh T trong việc giải quyết ly hôn chứ không mong muốn vợ chồng đoàn tụ. Vì vậy, cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh T để hai bên sớm ổn định cuộc sống mới.

[3] Về con chung và tài sản chung: Các đương sự đều xác định không có con chung, không có tranh chấp về tài sản và không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4] Về án phí: Nguyên đơn phải chịu án phí sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào Điều 28, Điều 35, Điều 39 khoản 4 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227 và Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự; các Điều 51, 56 của Luật Hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Anh Nguyễn Văn T được ly hôn chị Nguyễn Thị L.
2. Về con chung: Không có con chung.
3. Về phân tài sản: Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết về tài sản chung.
4. Về án phí: Anh Nguyễn Văn T phải chịu 300.000 đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn nhưng được trừ vào số tiền anh T đã nộp tạm ứng án phí là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng), theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số

0003785 ngày 20/8/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Phù Cừ. Anh T đã nộp đủ án phí ly hôn sơ thẩm.

5. Quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày tính từ ngày nhận được bản án hoặc từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

***Nơi nhận:***

- Các đương sự;
- Viện KSND huyện Phù Cừ;
- UBND xã C;
- Chi cục THADS huyện Phù Cừ;
- TAND tỉnh Hưng Yên;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**  
**Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa**  
(Đã ký)

**Nguyễn Duy Phụng**